

BẢNG KIỂM KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ GIAI ĐOẠN 4-6 THÁNG

Dành cho cán bộ y tế tuyến xã phường tại trạm y tế

HÀNH CHÍNH			
1. Họ và tên (In hoa):			
2. Sinh ngày:			
3. Giới: ☐ Nam ☐ Nữ			
4. Dân tộc:			
5. Nơi ở:			
6. Họ tên bố:		Trình độ VH của bố:	Nghề nghiệp của bố:
7. Họ tên mẹ:		Trình độ VH của mẹ:	Nghề nghiệp của mẹ:
8. Tiền sử:			
- Bản thân:			
- Gia đình:			
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN			
Nhiệt độ:		☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Mạch:		☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Nhịp thở:		☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Huyết áp (nếu trẻ có nguy cơ):			
SpO2 (nếu cần):			
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG			
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD			
Cân nặng(kg).....Cân nặng/Tuổi.....SD			
☐ Phù dinh dưỡng ☐ Thiếu máu ☐ Còi xương ☐ Thiếu vitamin A			
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG			
Giai đoạn	Các kỹ năng phát triển	Kết quả	
		Có	Không
Trẻ sơ sinh (dưới 1 tháng)	- Giật mình khi có tiếng động mạnh	☐	☐
	- Nhìn chăm chú vào khuôn mặt người đối diện	☐	☐
1-3 tháng	- Nhìn theo sự chuyển động của người hoặc đồ vật	☐	☐
	- Nắm và mở các ngón tay, bàn tay	☐	☐

	- Nhắc được đầu khi nằm sấp	☐	☐
4-6 tháng	- Phản ứng với các âm thanh xung quanh, tiếng của cha mẹ (nín khóc, quay đầu, nhìn theo, phát ra tiếng ê a..)	☐	☐
	- Phát ra các âm thanh khi có người nói chuyện với trẻ	☐	☐
	- Mỉm cười với người khác	☐	☐
	- Nhìn ngắm đồ vật, với tay về phía đồ vật	☐	☐
	- Cầm nắm được đồ vật trong tay	☐	☐
	- Biết lấy	☐	☐

ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG

Kiểm tra sổ tiêm chủng

- Viêm gan B mũi 1(sơ sinh)

Có

Không

☐

☐

- Lao (sơ sinh)

☐

☐

- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1

☐

☐

- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2

☐

☐

- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3

☐

☐

- Uống vắc xin bại liệt lần 1

☐

☐

- Uống vắc xin bại liệt lần 2

☐

☐

- Uống vắc xin bại liệt lần 3

☐

☐

- Tiêm vắc xin bại liệt IPV

☐

☐

Tư vấn:

KHÁM LÂM SÀNG

Quan sát: *Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ.*

Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính.

1. Da: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

2. Đầu - cổ:

2.1. Khám đầu-cổ:

- Thóp: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Kích thước và hình dạng đầu: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Khối bất thường: ☐ Có ☐ Không

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: ☐ Có ☐ Không
- Đồng tử (kích thước, phản xạ): ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Thị lực: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

2.3. Khám tai

- Màng nhĩ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Thính lực: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

2.4. Khám miệng: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: ☐ Có ☐ Không
- Tiếng thở bất thường ☐ Có ☐ Không
- Nghe phổi ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): ☐ Có ☐ Không

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Gan, lách to: ☐ Có ☐ Không
 - Khối bất thường: ☐ Có ☐ Không
 - Cơ quan sinh dục nam: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Cơ quan sinh dục nữ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng ☐ Có ☐ Không
 - Phản xạ cơ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Trương lực cơ bất thường: ☐ Có ☐ Không
 - Khớp háng: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- ☐ Bình thường
- ☐ Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn: